

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM
BẾN TRE**

Số: ~~1295~~ 20/CBTT-DBT
Về việc CBTT BCTC hợp nhất
Quý 3 năm 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Bến Tre, ngày 29 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 6A3, quốc lộ 60, P. Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng điều hành tại TP.HCM: số 11 đường Nguyễn Trọng Quyền, P. Tân Thới Hòa, Q. Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại: 0283.622.0205
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Cáp Tiến
7. Nội dung của thông tin công bố:
 - 7.1. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2020 của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre được lập ngày 27 tháng 10 năm 2020 gồm: BCĐKT hợp nhất, BCKQKD hợp nhất, BCLCTT hợp nhất, TMBCTC hợp nhất.
 - 7.2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Quý 3 năm 2020 lỗ 622.055.621 đồng, nguyên nhân:
 - Chi phí lãi vay tăng 1.953.412.655 đồng so với cùng kỳ, do chủ động nguồn hàng trong tình trạng ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên Công ty tăng nhập hàng và được tài trợ bằng vốn vay.
 - Tăng chi phí bán hàng 10.126.931.370 đồng so với cùng kỳ, nhằm để kích cầu bán hàng trong tình hình khó khăn bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCNS.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỨ TRIỆU

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		632.378.272.686	543.581.411.753
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	37.131.903.223	31.784.441.041
1. Tiền	111		27.131.903.223	21.784.441.041
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	55.587.002.740	50.317.960.204
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		55.587.002.740	50.317.960.204
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149.928.330.831	157.051.575.568
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	136.696.736.868	133.536.655.299
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.634.013.415	1.944.869.042
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	-	10.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	8.376.081.407	12.480.535.881
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(778.500.859)	(910.484.654)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	10	372.339.338.630	290.675.870.633
1. Hàng tồn kho	141		378.228.351.822	291.464.806.073
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.889.013.192)	(788.935.440)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.391.697.262	13.751.564.307
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.511.924.130	554.125.216
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19	14.822.048.132	13.056.703.510
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	57.725.000	140.735.581
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		162.999.854.575	170.402.873.065
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	9	5.196.443.756	3.777.275.515
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		5.196.443.756	3.777.275.515
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		76.267.785.605	83.386.179.386
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	71.708.083.858	79.384.180.296
- Nguyên giá	222		174.509.296.937	172.941.574.026
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.801.213.079)	(93.557.393.730)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	4.559.701.747	4.001.999.090
- Nguyên giá	228		6.596.578.777	6.198.788.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.036.877.030)	(2.196.789.687)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	-	-
- Nguyên giá	231		52.826.363	52.826.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.826.363)	(52.826.363)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	754.298.647	1.136.496.296
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		754.298.647	1.136.496.296
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	56.495.504.610	55.213.913.039
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		56.495.504.610	55.213.913.039
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24.285.821.957	26.889.008.829
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	18.534.219.476	19.798.676.849
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	29.3	943.890.366	1.713.077.689
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	17	4.807.712.115	5.377.254.291
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		795.378.127.261	713.984.284.818

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		553.462.041.504	476.120.136.380
I. Nợ ngắn hạn	310		542.226.723.760	466.570.466.511
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	115.636.132.169	135.573.039.969
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		403.764.947	491.732.713
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	4.703.122.436	4.558.071.588
4. Phải trả người lao động	314		9.837.653.957	3.133.546.332
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.862.527.945	18.563.313
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		45.000.000	180.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.347.012.605	4.409.324.211
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	406.072.601.882	317.506.537.769
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.318.907.819	699.650.616
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11.235.317.744	9.549.669.869
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		130.500.000	130.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	10.841.917.000	8.821.647.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	29.3	262.900.744	597.522.869
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE


Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		241.916.085.757	237.864.148.438
I. Vốn chủ sở hữu	410		241.866.085.757	237.814.148.438
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22.1	135.288.140.000	135.288.140.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		135.288.140.000	135.288.140.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22.1	433.056.160	433.056.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	22.1	291.090.110	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	22.1	9.354.804.815	9.354.804.815
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22.1	2.536.822.093	2.536.822.093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22.1	37.333.292.520	35.709.307.160
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32.566.000.918	27.695.043.861
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.767.291.602	8.014.263.299
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	22.5	56.628.880.059	54.492.018.210
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50.000.000	50.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		795.378.127.261	713.984.284.818


 Nguyễn Thị Thanh Giang
 Người lập


 Nguyễn Thế Quốc Uy
 Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 27 tháng 10 năm 2020




 Phạm Thử Triệu
 Tổng Giám đốc

01
 Y
 N
 AN
 E
 BÉ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23.1	185.670.721.490	184.763.012.102	560.799.508.287	557.902.569.874
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23.1	778.516.913	2.370.277.339	3.347.797.824	5.824.957.112
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23.1	184.892.204.577	182.392.734.763	557.451.710.463	552.077.612.762
4. Giá vốn hàng bán	11	24	131.912.239.816	142.777.551.682	404.683.855.168	423.340.427.535
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.979.964.761	39.615.183.081	152.767.855.295	128.737.185.227
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23.2	1.768.035.576	3.096.806.965	6.840.337.832	5.713.989.397
7. Chi phí tài chính	22	25	6.618.664.741	3.803.081.216	18.524.125.577	11.778.981.300
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.590.034.465	3.636.621.810	17.127.846.896	10.581.930.588
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	16	1.198.422.316	682.256.367	3.208.785.858	3.413.051.595
9. Chi phí bán hàng	25	26	36.110.170.410	25.983.239.040	95.774.130.049	74.664.086.775
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	11.200.042.296	13.067.798.340	37.146.826.977	36.750.335.251
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.017.545.206	540.127.816	11.371.896.382	14.670.822.892
12. Thu nhập khác	31	27	288.991.609	810.127.585	1.224.824.855	1.834.517.593
13. Chi phí khác	32	28	2.066.188.502	8.670.213	2.074.657.712	25.023.372
14. Lợi nhuận khác	40		(1.777.196.893)	801.457.372	(849.832.857)	1.809.494.221
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		240.348.313	1.341.585.188	10.522.063.525	16.480.317.113
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29.1	1.169.762.225	629.997.047	3.045.349.780	3.244.946.984
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29.3	(307.358.291)	(99.254.466)	434.565.198	(42.132.473)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(622.055.621)	810.842.607	7.042.148.547	13.277.502.602
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(1.809.509.179)	1.222.449.916	4.767.291.602	12.515.414.438
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.187.453.558	(411.607.309)	2.274.856.945	762.088.164
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Bến Tre, ngày 27 tháng 10 năm 2020


 Nguyễn Thị Thanh Giang
 Người lập


 Nguyễn Thế Quốc Uy
 Kế toán trưởng


 Phạm Thứ Triệu
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.522.063.525	16.480.317.113
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	02	12, 13, 17	10.124.535.351	9.698.210.938
- Các khoản dự phòng	03	6	(131.983.795)	(509.317.287)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	25	138.592.699	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.866.988.273)	(1.908.594.260)
- Chi phí lãi vay	06	25	17.127.846.896	10.581.930.588
- Các khoản điều chỉnh khác	07		1.089.843	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.915.156.246	34.342.547.092
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.901.895.665)	25.659.444.983
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(81.663.467.997)	(10.689.837.772)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14.743.258.066)	(45.608.475.517)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(693.341.541)	296.133.080
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16.767.657.627)	(10.581.930.588)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(1.617.347.937)	(3.419.175.915)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.286.317.890)	(5.156.411.770)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(90.758.130.477)	(15.157.706.407)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	12, 13, 15	(2.719.811.558)	(1.378.205.234)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.269.042.536)	(14.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		842.558.152	(28.214.800.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.713.824.330	1.908.594.260
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.567.528.388	(41.684.410.974)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	12.143.200.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(97.850.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	21	604.862.465.117	448.233.831.487
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(514.276.131.004)	(412.344.496.079)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	22.3	(45.099.100)	(9.819.489.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		90.541.235.013	38.115.195.808
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.350.632.924	(18.726.921.573)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.784.441.041	45.955.511.248
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.170.742)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	37.131.903.223	27.228.589.675

Bến Tre, ngày 27 tháng 10 năm 2020

Nguyễn Thị Thanh Giang
Người lập

Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởng

Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

11/10/20
T)
-Á)
-H
TF

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

1. Thông tin Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN do HOSE ban hành vào ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê mặt bằng.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là buôn bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 8, Tòa nhà Văn phòng Viwaseen; Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29; Đường Nguyễn Chí Diểu; Phường An Hải Bắc; Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cánh Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ; và
- Số 7 Đường 29/3. Khu phố 3, Thị trấn Ba Tri, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre.

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty con				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	82,15	82,15
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh hóa dược, dược phẩm, dược liệu	51,00	51,00
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Đang hoạt động	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	23,14	23,14

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký – Chứng từ.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng mua đang đi đường và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong đó, hàng hóa có thời hạn sử dụng dưới 6 tháng có phần giá trị dự kiến bị tổn thất bằng giá gốc.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	45 - 48 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Quyền phân phối sản phẩm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo thông báo số 1893/TB-CCT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 9 tháng 10 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 4 tháng và thông báo số 1732/TB-CT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 6 tháng. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)*

Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.13 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.14 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong kỳ kế toán, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong kỳ thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.16 *Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)*

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

▶ *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

3.17 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

191-C
TY
IN
HÀM
RE
T.BE

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền gửi ngân hàng	24.403.567.689	20.098.265.245
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền mặt	<u>2.728.335.534</u>	<u>1.686.175.796</u>
TỔNG CỘNG	<u>37.131.903.223</u>	<u>31.784.441.041</u>

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND			
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	37.587.002.740	37.587.002.740	35.317.960.204	35.317.960.204
Trái phiếu (**)	<u>18.000.000.000</u>	<u>18.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>55.587.002.740</u>	<u>55.587.002.740</u>	<u>50.317.960.204</u>	<u>50.317.960.204</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 6,4%/năm đến 6,5%/năm. Một khoản tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 21.1).

(**) Đây là 1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm.

Đây là 30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1,0%/năm.

Toàn bộ khoảng trái phiếu này đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 21.1).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	92.228.103	184.343.715
Các bên khác	136.604.508.765	133.352.311.584
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre	6.928.870.456	4.440.913.536
Công ty TNHH dược phẩm Minh Tiến	4.415.686.461	324.000.000
Văn phòng Điều phối các Dự án về Dân số	-	5.965.050.000
Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Hùng (38)	1.801.573.200	1.426.411.408
Khác	<u>123.458.378.648</u>	<u>121.195.936.640</u>
TỔNG CỘNG	136.696.736.868	133.536.655.299
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(778.500.859)</u>	<u>(910.484.654)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>135.918.236.009</u>	<u>132.626.170.645</u>

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 21.1).

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020	VND Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
Số đầu kỳ	910.484.654	1.342.203.908
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(131.983.795)</u>	<u>(438.805.219)</u>
Số cuối kỳ	<u>778.500.859</u>	<u>903.398.689</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	550.200.000	550.200.000
Các bên khác	5.083.813.415	1.394.669.042
Công ty TNHH TM&DV Ánh Sáng Châu Á	83.286.720	-
Công Ty TNHH Truyền Thông & Xuất Bản Y Học	58.712.500	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	318.659.550
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Lan Oanh	845.064.000	-
Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Đông Dương	1.492.667.860	-
Công Ty TNHH Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh Long Giang	1.228.479.780	-
Khác	1.375.602.555	1.076.009.492
TỔNG CỘNG	<u>5.634.013.415</u>	<u>1.944.869.042</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản phải thu từ góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones (là bên liên quan) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHTKD-MS ngày 12 tháng 3 năm 2019, mức lợi nhuận được chia cố định là 260.000.000 VND/ quý. Thời hạn của hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019 và được tự động gia hạn. Hợp đồng kéo dài không quá 3 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khoản phải thu này được bảo lãnh bởi Ông Vũ Quang Đông (Thuyết minh số 30).

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này đã thanh lý trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán này.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	8.376.081.407	12.480.535.881
Tạm ứng cho nhân viên	3.128.026.771	3.674.151.292
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	4.148.639.667	6.898.821.504
Ký quỹ khoản bảo lãnh dự thầu	99.213.450	79.050.000
Lãi ngân hàng dự thu	426.005.482	481.627.397
Các khoản chi hộ	573.699.387	681.435.800
Khác	496.650	665.449.888
Dài hạn	5.196.443.756	3.777.275.515
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3.730.043.756	2.116.876.035
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.140.000.000	1.140.000.000
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	230.000.000	238.221.000
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	95.938.480	95.938.480
Khác	461.520	186.240.000
TỔNG CỘNG	13.572.525.163	16.257.811.396

10. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa (*)	348.007.684.200	(5.889.013.192)	263.069.522.630	(788.935.440)
Nguyên liệu, vật liệu	15.617.341.583	-	10.987.123.874	-
Thành phẩm	8.458.740.434	-	1.773.791.578	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.251.349.705	-	2.485.277.649	-
Công cụ, dụng cụ	1.562.376	-	36.896.386	-
Hàng gửi đi bán	5.756.164	-	-	-
Hàng đang đi trên đường	4.885.917.360	-	13.112.193.956	-
TỔNG CỘNG	378.228.351.822	(5.889.013.192)	291.464.806.073	(788.935.440)

(*) Hàng tồn kho (dược phẩm các loại) đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng Thương mại (*Thuyết minh số 21.1*).

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

10. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
Số đầu kỳ	788.935.440	441.426.065
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	153.948.530
Xuất hủy trong kỳ	<u>5.100.077.752</u>	<u>(224.460.598)</u>
Số cuối kỳ	<u>5.889.013.192</u>	<u>370.913.997</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	2.511.924.130	554.125.216
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	846.187.624	265.839.519
Chi phí sửa chữa	219.879.949	92.895.666
Chi phí đào tạo cán bộ	758.333.333	0
Chi phí bảo hiểm	52.119.345	34.017.873
Khác	635.403.879	161.372.158
Dài hạn	18.534.219.476	19.798.676.849
Tiền thuê đất trả trước (*)	10.420.917.002	11.296.405.098
Chi phí hợp tác kinh doanh (**)	5.006.513.962	5.516.264.241
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.532.236.789	1.273.102.441
Quyền phân phối sản phẩm	729.166.667	1.166.666.667
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng	845.385.056	219.531.496
Khác	-	326.706.906
TỔNG CỘNG	<u>21.046.143.606</u>	<u>20.352.802.065</u>

(*) Các quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 21.1).

(**) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ký với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo ngày 6 tháng 11 năm 2017 nhằm phục vụ các hoạt động kinh doanh chính. Chi phí này được Nhóm Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2018.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
VND					
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	85.301.233.373	62.247.557.247	17.087.082.878	8.305.700.528	172.941.574.026
Mua trong kỳ	-	1.516.813.820	-	50.909.091	1.567.722.911
Ngày 30 tháng 9 năm 2020	85.301.233.373	63.764.371.067	17.087.082.878	8.356.609.619	174.509.296.937
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.933.119.757	11.536.676.371	1.350.277.013	646.663.287	15.466.736.428
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(32.438.292.250)	(45.199.501.365)	(8.694.700.150)	(7.224.899.965)	(93.557.393.730)
Khấu hao trong kỳ	(3.535.400.901)	(4.282.925.307)	(1.055.763.464)	(369.729.677)	(9.243.819.349)
Ngày 30 tháng 9 năm 2020	(35.973.693.151)	(49.482.426.672)	(9.750.463.614)	(7.594.629.642)	(102.801.213.079)
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	52.862.941.123	17.048.055.882	8.392.382.728	1.080.800.563	79.384.180.296
Ngày 30 tháng 9 năm 2020	49.327.540.222	14.281.944.395	7.336.619.264	761.979.977	71.708.083.858
Trong đó:					
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 21.1 và 21.3)	34.791.189.523	3.481.606.104	-	-	38.272.795.627

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Giá trị thương hiệu	Tổng cộng
				VND
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	4.302.988.457	1.895.800.320	-	6.198.788.777
Mua trong kỳ	-	83.290.000	314.500.000	397.790.000
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2020	4.302.988.457	1.979.090.320	-	6.596.578.777
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	914.133.568	1.511.571.881	-	2.425.705.449
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	(870.254.690)	(1.326.534.997)	-	(2.196.789.687)
Hao mòn trong kỳ	(29.455.287)	(279.097.706)	(2.620.833)	(311.173.826)
Điều chỉnh giảm hao mòn lũy kế	471.086.483	-	-	471.086.483
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2020	(428.623.494)	(1.605.632.703)	(2.620.833)	(2.036.877.030)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	3.432.733.767	569.265.323	-	4.001.999.090
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2020	3.874.364.963	373.457.617	311.879.167	4.559.701.747
Trong đó:				
Tài sản cầm cố, thế chấp				
(Thuyết minh số 21.1 và số 21.3)	3.045.806.371	-	-	3.045.806.371

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND
Quyền sử dụng đất

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 9 năm 2020 52.826.363

Giá trị khấu hao lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 9 năm 2020 (52.826.363)

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 9 năm 2020 -

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán trên cơ sở về mức giá cho thuê của bất động sản đầu tư.

Doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư:

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	<u>405.000.000</u>	<u>253.636.364</u>

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Xây dựng nhà máy sản xuất chủng vi sinh	754.298.647	-
Dự án Nghiên cứu Y tế ở nước ngoài	-	1.136.496.296
	<u>754.298.647</u>	<u>1.136.496.296</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Codupha"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0300483319 ngày 2 tháng 1 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính đã đăng ký của Codupha là kinh doanh dược phẩm (tân dược, đông dược), dụng cụ y tế thông thường, vắc xin, sinh phẩm y tế; bán buôn chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

Vào ngày 30 tháng 9 năm, Nhóm Công ty sở hữu 23,14% vốn cổ phần của Codupha.

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết này được trình bày như sau:

	<i>VND</i>
	<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha</i>
Giá gốc đầu tư:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 9 năm 2020	<u>48.108.225.000</u>
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	7.105.688.039
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong kỳ	3.208.785.858
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.272.480.843)
	(842.558.152)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(252.212.216)
Giảm khác	<u>(103.245.402)</u>
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2020	<u>8.387.279.610</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>55.213.913.039</u>
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2020	<u>56.495.504.610</u>

Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha được sử dụng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận (*Thuyết minh số 21.1*).

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND		
	<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái</i>	<i>Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 9 năm 2020	<u>3.284.615.191</u>	<u>4.309.280.504</u>	<u>7.593.895.695</u>
Giá trị phân bổ lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	(1.067.499.937)	(1.149.141.467)	(2.216.641.404)
Phân bổ trong kỳ	<u>(246.346.137)</u>	<u>(323.196.039)</u>	<u>(569.542.176)</u>
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2020	<u>(1.313.846.074)</u>	<u>(1.472.337.506)</u>	<u>(2.786.183.580)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>2.217.115.254</u>	<u>3.160.139.037</u>	<u>5.377.254.291</u>
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2020	<u>1.970.769.117</u>	<u>2.836.942.998</u>	<u>4.807.712.115</u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Các bên khác	115.636.132.169	135.572.875.239
<i>Công ty TNHH Raptakos Brett</i>	3.093.482.962	12.292.699.273
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tiến</i>	10.990.242.643	10.990.242.643
<i>Gedeon Richter Plc</i>	30.977.637.668	19.958.240.376
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Liksin - Xí nghiệp bao bì Liksin</i>	991.195.920	782.324.400
<i>Công ty TNHH Suheung Việt Nam</i>	755.700.000	433.950.000
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ In bao bì Cuộc Sống Mới</i>	402.304.870	298.205.380
<i>Công ty Cổ phần hóa chất Á Châu</i>	-	339.020.000
<i>Khác</i>	68.425.568.106	90.478.193.167
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	-	164.730
TỔNG CỘNG	<u>115.636.132.169</u>	<u>135.573.039.969</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 9 năm 2020
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.539.300.626	3.253.272.493	(1.617.347.937)	4.175.225.182
Thuế thu nhập cá nhân	1.405.367.311	1.599.306.514	(2.612.988.965)	391.684.860
Thuế GTGT	613.403.651	68.905.440.489	(69.382.631.746)	136.212.394
Thuế xuất, nhập khẩu	-	85.800.458	(85.800.458)	-
Thuế nhà đất	-	11.425.078	(11.425.078)	-
Tiền thuê đất	-	389.842.053	(389.842.053)	-
Thuế khác	-	741.428.408	(741.428.408)	-
TỔNG CỘNG	4.558.071.588	74.986.515.493	(74.841.464.645)	4.703.122.436
Phải thu				
Thuế GTGT	13.056.703.510	69.467.668.822	(67.702.324.200)	14.822.048.132
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(14.274.006.252)	14.331.731.252	57.725.000
Khác	140.735.581	181.348.894	(322.084.475)	-
TỔNG CỘNG	13.197.439.091	55.375.011.464	(53.692.677.423)	14.879.773.132

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	2.373.775.363	-
Chi phí kiểm toán	110.000.000	-
Chi phí lãi vay	378.752.582	18.563.313
TỔNG CỘNG	2.862.527.945	18.563.313

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

21. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Ngày 30 tháng 9 năm 2020	
	Vay trong kỳ	Phân loại lại	Trả trong kỳ	VND
Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	317.506.537.769	600.862.465.117	1.979.730.000	406.072.601.882
Vay các bên khác (Thuyết minh số 21.2)	314.679.461.132	600.862.465.117	-	403.245.525.245
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	187.436.637	-	-	187.436.637
	2.639.640.000	-	1.979.730.000	2.639.640.000
Vay dài hạn				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.3)	8.821.647.000	4.000.000.000	(1.979.730.000)	10.841.917.000
Vay một bên khác (Thuyết minh số 21.4)	8.821.647.000	-	(1.979.730.000)	6.841.917.000
	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
TỔNG CỘNG	326.328.184.769	604.862.465.117	-	416.914.518.882

10/02/2020

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Kỳ hạn trả gốc và lãi (VND)	Lãi suất (%/năm)
-----------	--------------------------	-----------------------------	------------------

Hình thức đảm bảo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre

Khoản vay 1	257.908.479.469	Từ ngày 6 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021	6
-------------	-----------------	--	---

1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu và 30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát hành; 2.271.150 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Dược Yên Bái phát hành và 4.366.680 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nhà Trang phát hành; Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng; Hàng tồn kho được phẩm các loại; Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, các quyền sử dụng đất thuê tại thửa đất số 13, số 77, số 80, số 81 tỉnh Bến Tre và các phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược Bến Tre và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận

Khoản vay 1	49.748.331.583	Từ ngày 13 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021	6,5
-------------	----------------	---	-----

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 06/HDTG-KHDN/2020 trị giá 3.000.000.000 VND; Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha trị giá 32.632.000.000 VND; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất 295, tờ bản đồ số 64, Khu vực 2, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BA 166880; Hàng tồn kho được phẩm các loại.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre

Khoản vay 1	47.652.127.774	Từ ngày 15 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021	Từ 5,8 đến 6
-------------	----------------	--	--------------

Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng; Quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BN 325781.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM				
Khoản vay 1	28.500.305.497	Từ ngày 20 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021	6	Tín chấp

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái

Khoản vay 1	19.436.280.922	Từ ngày 13 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021	Từ 6,5 đến 6,7	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BD 2021/92 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
-------------	----------------	---	----------------	---

TỔNG CỘNG 403.245.525.245

21.2 Vay ngắn hạn các bên khác

Các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác là các khoản vay tín chấp từ Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre; từ nhân viên và từ các cá nhân khác để bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Nhóm Công ty. Các khoản vay này có thời hạn dưới 6 tháng, với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho Kỳ kê toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 9 năm 2020 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
-----------	-----------------------------------	-----------------------	----------	---------------------	-------------------

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre

Khoản vay 1	8.083.557.000	Ngày 12 tháng 11 năm 2024	Thanh toán tiền thuê đất	8	
-------------	---------------	---------------------------	--------------------------	---	--

Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BG 992958.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre

Khoản vay 1	1.055.000.000	Ngày 18 tháng 11 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	8,9	Tài sản hình thành từ vốn vay
Khoản vay 2	343.000.000	Ngày 31 tháng 10 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	10,5	Tài sản hình thành từ vốn vay

TỔNG CỘNG **9.481.557.000**

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	2.639.640.000
Vay dài hạn	6.841.917.000

21.4 Vay dài hạn một bên khác

Khoản vay dài hạn là khoản vay từ cá nhân bà Vương Hạnh Phương để tài trợ vốn lưu động trong kỳ. Khoản vay này có thời hạn 2 năm, đáo hạn tới 30 tháng 6 năm 2022, với lãi suất 8%/năm và không có tài sản bảo đảm.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020							
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	135.288.140.000	433.056.160	-	9.354.804.815	2.536.822.093	35.709.307.160	183.322.130.228
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	5.609.849.754	5.609.849.754
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(711.457.775)	(711.457.775)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.056.122.222)	(1.056.122.222)
Điều chỉnh trong tài sản thuần của công ty liên kết	-	-	291.090.110	-	-	(2.218.284.397)	(1.927.194.287)
Ngày 30 tháng 9 năm 2020	135.288.140.000	433.056.160	291.090.110	9.354.804.815	2.536.822.093	37.333.292.520	185.237.205.698

VND



Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	<u>135.288.140.000</u>	<u>123.144.940.000</u>

22.3 Cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức trả bằng tiền	45.099.100	9.819.489.600

22.4 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
	(cổ phiếu)	(cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	13.528.814	13.528.814
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	13.528.814	13.528.814
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.528.814	13.528.814
Cổ phiếu đang lưu hành	13.528.814	13.528.814
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.528.814	13.528.814

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND
	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
Số đầu kỳ	54.492.018.210
Lợi nhuận thuần trong kỳ	2.274.856.945
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(137.995.096)
Số cuối kỳ	<u>56.628.880.059</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
Tổng doanh thu	560.799.508.287	557.902.569.874
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	507.080.986.677	490.434.976.781
Doanh thu bán thành phẩm	52.833.067.065	67.213.956.729
Doanh thu cho thuê mặt bằng	885.454.545	253.636.364
Khoản giảm trừ doanh thu	3.347.797.824	5.824.957.112
Chiết khấu thương mại	1.902.868.389	3.449.613.826
Hàng bán bị trả lại	55.276.838	390.961.315
Giảm giá hàng bán	1.389.652.597	1.984.381.971
Doanh thu thuần	557.451.710.463	552.077.612.762
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	556.788.998.963	551.510.098.509
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	662.711.500	567.514.253

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.831.232.913	2.233.682.571
Lãi tiền gửi	2.658.202.415	2.122.510.787
Lãi hợp tác kinh doanh	520.000.000	104.000.000
Chiết khấu thanh toán	348.070.656	350.856.106
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.831.848	902.939.933
TỔNG CỘNG	6.840.337.832	5.713.989.397

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019</i>
Giá vốn hàng hóa	366.040.427.036	390.663.003.758
Giá vốn thành phẩm	33.138.155.954	31.221.434.463
Giá trị hàng tồn kho hư bể, hết hạn, xuất hủy trong kỳ được tính trực tiếp vào giá vốn	334.278.511	97.457.382
Giá vốn cho thuê hoạt động	62.078.993	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.836.922	1.204.583.402
	<u>5.100.077.752</u>	<u>153.948.530</u>
TỔNG CỘNG	<u>404.683.855.168</u>	<u>423.340.427.535</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019</i>
Chi phí lãi vay	17.127.846.896	10.581.930.588
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	666.706.046	33.809.507
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	138.592.699	262.688.811
Chiết khấu thanh toán	589.890.093	834.446.427
Khác	1.089.843	54.105.967
	<u>18.524.125.577</u>	<u>11.778.981.300</u>
TỔNG CỘNG	<u>18.524.125.577</u>	<u>11.778.981.300</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019</i>
Chi phí bán hàng	95.774.130.049	74.664.086.775
Chi phí nhân viên	65.240.098.138	47.693.415.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.524.348.800	15.930.215.251
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.621.699.978	1.514.520.100
Khác	14.387.983.133	9.525.935.922
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.146.826.977	36.750.335.251
Chi phí nhân viên	18.723.667.395	23.563.799.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.208.509.111	4.988.106.714
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.618.430.573	1.533.631.574
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	569.542.176	414.220.805
Khác	6.026.677.722	6.250.576.275
TỔNG CỘNG	<u>132.920.957.026</u>	<u>111.414.422.026</u>

27. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019</i>
Hàng tặng nhận được từ nhà cung cấp	460.613.712	1.128.633.513
Xóa sổ khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bảo hiểm thất nghiệp phải trả	119.506.281	-
Cho thuê mặt bằng	-	220.314.011
Khác	644.704.862	485.570.069
TỔNG CỘNG	<u>1.224.824.855</u>	<u>1.834.517.593</u>

28. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019</i>
Truy thu thuế	1.848.362.199	-
Chi phí khác	226.295.513	25.023.372
TỔNG CỘNG	<u>2.074.657.712</u>	<u>25.023.372</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.447.516.775	3.244.946.984
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	434.565.198	(42.132.473)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa những kỳ trước	(1.402.166.995)	-
TỔNG CỘNG	<u>3.479.914.978</u>	<u>3.202.814.511</u>

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty

29.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ hiện hành và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện	943.890.366	1.713.077.689	(769.187.323)	200.721.449
	<u>943.890.366</u>	<u>1.713.077.689</u>		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng	(835.406.333)	(597.522.869)	(237.883.464)	(158.588.976)
Chi phí trích trước	572.505.589	-	572.505.589	-
	<u>(262.900.744)</u>	<u>(597.522.869)</u>		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			<u>(434.565.198)</u>	<u>42.132.473</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	662.711.500	567.514.253
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Bên liên quan	Chi phí thuê văn phòng Lãi cho vay	795.441.105 734.933.334	730.366.510 1.049.244.444

Các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	<u>92.228.103</u>	<u>184.343.715</u>
Ứng trước cho người bán ngắn hạn				
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Bên liên quan	Mua dịch vụ	<u>550.200.000</u>	<u>550.200.000</u>
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Bên liên quan	Cho vay	<u>0</u>	<u>10.000.000.000</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<i>Phải thu dài hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Bên liên quan	Đặt cọc thuê mặt bằng	<u>95.938.480</u>	<u>95.938.480</u>
<i>Phải trả cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	<u>-</u>	<u>164.730</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	Cổ tức phải trả	<u>19.500.000</u>	<u>19.500.000</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ông Huỳnh Lê Duy Việt	5.283.260.500	5.283.260.500
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược Vật tư Y tế Quảng Ngãi	66.641.390	-
Đại lý Cao Văn Tươi	33.111.268	-
Bệnh viện Đa khoa Tây Đô	14.486.850	-
Đại lý 126 Phạm Thị Nga	6.584.879	-
Nhà thuốc Bệnh viện Tây Đô	4.966.500	-
Quầy thuốc 449 Trần Anh Tài	3.106.853	-
Công ty TNHH MTV Bệnh viện Mekong Cần Thơ	3.086.055	-
Ngoại tệ		
USD	234,24	30.785
EUR	4877,77	202

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thị Thanh Giang
Người lập





Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởng

Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2020